

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIẢI PHÁP THƯƠNG MẠI A BA

A BA BUSINESS SOLUTION
CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024
Ho Chi Minh City, 29 August 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN
ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOẢN NHÀ NƯỚC

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE
SECURITIES COMMISSION'S PORTAL

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*

Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP THƯƠNG MẠI A BA /
A BA BUSINESS SOLUTION CORPORATION

Địa chỉ trụ sở chính / *Address*: Lầu 4, 51 Trần Phú, Phường 04, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh /
4th Floor, 51 Tran Phu Street, Ward 4th, District 5th, Ho Chi Minh City

Điện thoại / *Tel*: 028 730 28882

Fax:

Email: thi@aba.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin / *Submitted by*: TRẦN THỊ THU MAI

Chức vụ / *Position*: Tổng Giám đốc / *General Director*

Loại công bố thông tin: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

Information disclosure type: Periodic Irregular 24 hours On demand

Nội dung thông tin công bố (*) / *Content of Information disclosure (*)*:

- Báo cáo tài chính Hợp nhất và Riêng lẻ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và văn bản giải trình biến động lợi nhuận

- *Consolidated & Single Audited Financial Statement for the six-month period ending date 30 June 2024 and Declaration for for profit fluctuation*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/08/2024 tại đường dẫn:

<http://accl.vn/vn/bao-cao-tai-chinh.html>

This information was disclosed on Company's website on date 29/08/2024, available at:
<http://accl.vn/vn/bao-cao-tai-chinh.html>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate. I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ủy quyền để công bố thông tin
Party authorized to disclose information



TRẦN THỊ THU MAI
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh (trên cơ sở hợp nhất và riêng lẻ) cho 6 tháng 2024 và cùng kỳ năm 2023
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ đã kiểm toán của Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA được đính kèm

Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (trên cơ sở hợp nhất và riêng lẻ) cho 6 tháng 2024 và cùng kỳ năm 2023 như sau:

Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ:

STT	Chỉ tiêu	Quý 2/2024	Quý 2/2023	Biến động	
		(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	182.489.548.566	152.497.769.489	29.991.779.077	19,7%
2	Lợi nhuận gộp	20.983.203.357	20.786.041.416	197.161.941	0,9%
3	Chi phí bán hàng	3.205.181.093	2.584.660.576	620.520.517	24,0%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.163.094.302	17.195.921.720	(1.032.827.418)	-6,0%
5	Chi phí lãi vay	26.096.446.497	19.159.008.774	6.937.437.723	36,2%
6	Chi phí khác	1.680.753.819	179.833.400	1.500.920.419	834,6%
7	Lỗ thuần sau thuế	(26.097.345.564)	(17.706.111.245)	(8.391.234.319)	47,4%

Giải trình: Lỗ thuần sau thuế 6 tháng 2024 tăng 47,4% so với cùng kỳ 2023 chủ yếu do các nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp của Công ty có tăng nhưng không đáng kể.
- Chi phí bán hàng tăng 24%
- Chi phí lãi vay tăng mạnh 36,2% do ảnh hưởng của biến động lãi suất vĩ mô
- Chi phí khác tăng rất mạnh 834,6%



Báo cáo tài chính Riêng giữa niên độ:

STT	Chỉ tiêu	Quý 2/2024	Quý 2/2023	Biến động	
		(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	(tỷ VNĐ)	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	187.739.548.566	157.747.769.489	29.991.779.077	19,0%
2	Lợi nhuận gộp	31.317.997.112	27.171.006.229	4.146.990.883	15,3%
3	Chi phí bán hàng	3.205.181.093	2.458.260.577	746.920.516	30,4%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.935.617.565	14.070.579.809	(1.134.962.244)	-8,1%
5	Chi phí lãi vay	25.956.621.430	18.868.953.187	7.087.668.243	37,6%
6	Chi phí khác	1.886.114.418	324.138.171	1.561.976.247	481,9%
7	Lỗ thuần sau thuế	(12.600.610.604)	(7.923.653.706)	(4.676.956.898)	59,0%

Giải trình: Lỗ thuần sau thuế 6 tháng 2024 tăng 59% so với cùng kỳ 2023 chủ yếu do các nguyên nhân:

- Lợi nhuận gộp của Công ty được cải thiện 15,3%
- Chi phí quản lý doanh nghiệp được tối ưu giảm 8,1%
- Chi phí bán hàng tăng 30,4%
- Chi phí lãi vay tăng mạnh 37,6% do ảnh hưởng của biến động lãi suất vĩ mô
- Chi phí khác tăng rất mạnh 481,9%

Trân trọng.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật / Người được UQ CBTT



TRẦN THỊ THU MAI
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 33

19/03/2018

Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0305472705, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 1 năm 2008 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ và dịch vụ lưu trữ hàng hóa kho lạnh.

Công ty được chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 5858/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") ban hành ngày 31 tháng 8 năm 2022.

Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 16 tháng 11 năm 2020, Công ty được phân loại là công ty đại chúng quy mô lớn.

Công ty có trụ sở chính tại Lầu 4, Số 51, Đường Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Thi	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thu Mai	Thành viên
Ông Lương Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Đặng Minh Vũ	Thành viên
Ông Chris Freund	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Ông Richard William Mcdade	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đoàn Quang Vĩnh Thụ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Quốc Yên	Thành viên
Ông Vũ Minh Đạt	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Thị Thu Mai	Tổng Giám đốc
Ông Lương Quang Thi	Giám đốc Điều hành

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lương Quang Thi.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 28 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lương Quang Thi
Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số tham chiếu: 12853941/68422676-LR

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA (“Công ty”) được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024 và được trình bày từ trang 5 đến trang 33, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong đó trình bày Công ty phát sinh khoản lỗ thuần là 12.600.610.604 VND trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, và tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 160.061.324.519 VND đã vượt quá vốn chủ sở hữu 6.694.645.799 VND, tổng nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 317.865.574.744 VND. Các điều kiện này, cùng với các vấn đề khác được trình bày tại Thuyết minh số 2.6, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Văn Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		115.615.173.063	103.671.893.740
110	I. Tiền	4	838.238.834	3.295.158.540
111	1. Tiền		838.238.834	3.295.158.540
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		150.000.000	150.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		150.000.000	150.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		105.510.500.502	90.532.003.282
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	104.675.120.602	88.413.725.747
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	736.616.718	1.077.934.321
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.114.510.851	2.716.847.002
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(2.015.747.669)	(1.676.503.788)
140	IV. Hàng tồn kho		96.070.109	83.363.842
141	1. Hàng tồn kho		96.070.109	83.363.842
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.020.363.618	9.611.368.076
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	4.172.941.501	4.763.945.959
153	2. Thuế và các khoản phải thu khác Nhà nước	13	4.847.422.117	4.847.422.117
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		314.933.416.156	329.009.095.313
210	I. Phải thu dài hạn		3.194.080.444	3.226.080.444
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	3.194.080.444	3.226.080.444
220	II. Tài sản cố định		77.247.822.422	89.138.944.335
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	76.699.725.824	88.511.847.741
222	Nguyên giá		291.930.267.395	292.800.910.122
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(215.230.541.571)	(204.289.062.381)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	548.096.598	627.096.594
228	Nguyên giá		9.238.251.582	9.238.251.582
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.690.154.984)	(8.611.154.988)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	11	158.796.710.000	158.796.710.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		158.796.710.000	158.796.710.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		75.694.803.290	77.847.360.534
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	75.694.803.290	77.847.360.534
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		430.548.589.219	432.680.989.053

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		437.243.235.018	426.775.024.248
310	I. Nợ ngắn hạn		433.480.747.807	422.992.937.037
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	100.086.985.277	91.122.158.857
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.570.422.281	1.519.510.821
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.845.401.268	11.592.552.375
314	4. Phải trả người lao động		10.720.838.025	9.945.135.592
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	16.408.289.483	12.270.632.679
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	10.702.256.265	7.463.529.843
320	7. Vay ngắn hạn	17	286.005.167.362	286.938.029.024
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.141.387.846	2.141.387.846
330	II. Nợ dài hạn		3.762.487.211	3.782.087.211
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	25.4	2.922.753.324	2.922.753.324
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	16	839.733.887	859.333.887
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(6.694.645.799)	5.905.964.805
410	I. Vốn chủ sở hữu	18.1	(6.694.645.799)	5.905.964.805
411	1. Vốn cổ phần		152.481.570.000	152.481.570.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		151.859.300.000	151.859.300.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		622.270.000	622.270.000
418	2. Quỹ đầu tư và phát triển		885.108.720	885.108.720
421	3. Lỗ lũy kế		(160.061.324.519)	(147.460.713.915)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(147.460.713.915)	(110.117.657.235)
421b	- Lỗ kỳ này		(12.600.610.604)	(37.343.056.680)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430.548.589.219	432.680.989.053



Nguyễn Nam Hải
Người lập / Kế toán trưởng



Lương Quang Thi
Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	19.1	187.739.548.566	157.747.769.489
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	20	(156.421.551.454)	(130.576.763.260)
20	3. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		31.317.997.112	27.171.006.229
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	64.926.790	627.271.809
22	5. Chi phí tài chính	21	(25.956.621.430)	(18.868.953.187)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	21	(21.066.221.430)	(18.868.579.048)
25	6. Chi phí bán hàng	22	(3.205.181.093)	(2.458.260.576)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(12.935.617.565)	(14.070.579.809)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.714.496.186)	(7.599.515.534)
31	9. Thu nhập khác	23	263.214.752	212.837.144
32	10. Chi phí khác	23	(2.149.329.170)	(536.975.316)
40	11. Lỗ khác	23	(1.886.114.418)	(324.138.172)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(12.600.610.604)	(7.923.653.706)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(12.600.610.604)	(7.923.653.706)



Nguyễn Nam Hải
Người lập / Kế toán trưởng



Lương Quang Thi
Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(12.600.610.604)	(7.923.653.706)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	11.891.121.913	10.848.384.267
03	Dự phòng		339.243.881	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(619.806.861)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(131.258.567)	(80.192.221)
06	Chi phí lãi vay	21	21.066.221.430	18.868.579.048
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		20.564.718.053	21.093.310.527
09	Tăng các khoản phải thu		(15.285.741.101)	(12.115.993.833)
10	Tăng hàng tồn kho		(12.706.266)	(356.226.101)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(3.288.229.516)	6.662.280.974
12	Giảm chi phí trả trước		2.743.561.702	3.458.903.654
14	Tiền lãi vay đã trả		(6.376.919.483)	(10.434.176.495)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(1.655.316.611)	8.308.098.726
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		-	(80.661.659)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		129.090.909	72.727.273
27	Tiền thu lãi tiền gửi		2.167.658	7.464.948
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		131.258.567	(469.438)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	17	103.135.608.022	92.360.962.334
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(104.068.469.684)	(108.902.080.389)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(932.861.662)	(16.541.118.055)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.456.919.706)	(8.233.488.767)
60	Tiền đầu kỳ		3.295.158.540	16.363.003.724
70	Tiền cuối kỳ	4	838.238.834	8.129.514.957



Nguyễn Nam Hải
Người lập / Kế toán trưởng



Lương Quang Thi
Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0305472705, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 1 năm 2008 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ và dịch vụ lưu trữ hàng hóa kho lạnh.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty được chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 5858/UBCK-GSĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") ban hành ngày 31 tháng 8 năm 2022.

Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành bởi Bộ Tài chính vào ngày 16 tháng 11 năm 2020, Công ty được phân loại là công ty đại chúng quy mô lớn.

Công ty có trụ sở chính tại Lầu 4, Số 51, Đường Trần Phú, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên và cộng tác viên giao nhận bằng xe máy của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 lần lượt là 645 và 87 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 609 và 86).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 11. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đề ngày 28 tháng 8 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đã phát sinh khoản lỗ thuần là 12.600.610.604 VND trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, và tại ngày này, khoản lỗ lũy kế của Công ty là 160.061.324.519 VND đã vượt quá vốn chủ sở hữu 6.694.645.799 VND, tổng nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tổng tài sản ngắn hạn với số tiền là 317.865.574.744 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào khả năng tiếp tục thu xếp đủ vốn lưu động để tiếp tục hoạt động trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính liên tục từ các cổ đông hoặc nhận được nguồn vốn bổ sung từ các nhà đầu tư mới.

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang tiến hành việc thu xếp nguồn vốn từ các nhà đầu tư mới nhằm đáp ứng các khoản nợ phải trả khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm sau. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào yếu tố không chắc chắn trọng yếu là khả năng thành công của các thương vụ huy động vốn hiện có của Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty sẽ có đủ nguồn vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh của Công ty và có dòng tiền đủ khả năng đáp ứng các nghĩa vụ đến hạn của Công ty trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này. Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Công ty trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo vào ngày 29 tháng 10 năm 2018 trong thời hạn 32 năm cho lô số 18-20, Khu Công nghiệp Tân Tạo mở rộng, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Thiết bị quản lí	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 - 8 năm
Phần mềm	3 - 10 năm

3.8 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận sau thuế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ.

3.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư theo đề xuất của Hội đồng Quản trị được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

► Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền gửi ngân hàng	838.238.834	3.295.158.540

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	26.515.000.000	20.845.000.000
Công ty TNHH MEATDeli HN	13.276.735.069	12.462.817.196
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	8.162.962.076	4.051.968.167
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam	6.247.811.907	6.630.792.847
Công Ty TNHH Thực Phẩm 3F Việt	3.295.826.279	3.342.986.238
Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood	2.629.414.912	3.631.902.176
Công ty Cổ Phần SeedCom Food	2.410.651.711	1.968.687.672
Công ty Cổ Phần Supra	1.877.856.330	4.455.682.970
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	675.217.547	5.396.790.996
Khác	39.583.644.771	25.627.097.485
TỔNG CỘNG	104.675.120.602	88.413.725.747
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.015.747.669)	(1.676.503.788)
GIÁ TRỊ THUẬN	102.659.372.933	86.737.221.959

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Cổ phần Ô Tô Gia Định	99.118.800	-
Công ty Cổ phần Ô Tô Cường Thành	-	252.160.200
Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	-	115.909.140
Khác	637.497.918	709.864.981
TỔNG CỘNG	<u>736.616.718</u>	<u>1.077.934.321</u>

7. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	2.114.510.851	2.716.847.002
Ký quỹ, ký cược	1.584.920.000	1.635.420.000
Tạm ứng cho nhân viên	180.779.679	1.020.466.415
Khác	348.811.172	60.960.587
Dài hạn	3.194.080.444	3.226.080.444
Ký quỹ, ký cược	3.194.080.444	3.226.080.444
TỔNG CỘNG	<u>5.308.591.295</u>	<u>5.942.927.446</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn	4.172.941.501	4.763.945.959
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.707.830.610	2.047.386.150
Chi phí bảo hiểm trả trước	1.296.537.182	1.294.384.082
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	207.762.219	431.722.358
Khác	960.811.490	990.453.369
Dài hạn	75.694.803.290	77.847.360.534
Tiền thuê đất trả trước	70.941.611.114	72.281.044.108
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.230.209.372	3.447.856.694
Chi phí bảo trì và sửa chữa	1.377.052.379	1.900.332.340
Khác	145.930.425	218.127.392
TỔNG CỘNG	<u>79.867.744.791</u>	<u>82.611.306.493</u>

Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị quân li	Tổng cộng
Nguyên giá				VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	117.780.686.736	171.767.773.563	3.252.449.823	292.800.910.122
Thanh lý trong kỳ	-	(870.642.727)	-	(870.642.727)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	117.780.686.736	170.897.130.836	3.252.449.823	291.930.267.395
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	76.552.211.368	58.370.000	1.149.397.439	77.759.978.807
Giá trị khấu hao lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(58.794.416.289)	(143.765.340.073)	(1.729.306.019)	(204.289.062.381)
Khấu hao trong kỳ	(6.422.273.302)	(4.308.863.418)	(1.080.985.197)	(11.812.121.917)
Thanh lý	-	870.642.727	-	870.642.727
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	(65.216.689.591)	(147.203.560.764)	(2.810.291.216)	(215.230.541.571)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	58.986.270.447	28.002.433.490	1.523.143.804	88.511.847.741
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	52.563.997.145	23.693.570.072	442.158.607	76.699.725.824
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 17)	48.290.438.731	15.075.878.104	-	63.366.316.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i>
	<i>Phần mềm</i>
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>9.238.251.582</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã hao mòn hết</i>	<u>2.400.271.120</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	(8.611.154.988)
Hao mòn trong kỳ	<u>(78.999.996)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>(8.690.154.984)</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>627.096.594</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>548.096.598</u>

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đầu tư vào công ty con	<u>158.796.710.000</u>	<u>158.796.710.000</u>
Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, chi tiết khoản đầu tư vào công ty con được trình bày như sau:		
<i>Tên công ty con</i>	<u><i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i></u> <u><i>và ngày 31 tháng 12 năm 2023</i></u>	
	<i>%</i>	<i>Vốn đầu tư</i>
		<i>Dự phòng</i>
		<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	<u>90</u>	<u>158.796.710.000</u> <u>-</u>

Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 2500235476, do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 1 năm 2005 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ và dịch vụ lưu trữ hàng hóa kho lạnh. Công ty có trụ sở chính tại Lô số 39E, Khu Công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả bên liên quan (<i>Thuyết minh số 26</i>)	73.984.643.582	72.825.002.627
Công ty TNHH Kỹ thuật Hưng Trí	1.853.446.922	2.359.754.837
Khác	<u>24.248.894.773</u>	<u>15.937.401.393</u>
TỔNG CỘNG	<u>100.086.985.277</u>	<u>91.122.158.857</u>

13. THUẾ

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế giá trị gia tăng	11.517.226.754	15.140.684.945	(22.600.251.301)	4.057.660.398
Thuế thu nhập cá nhân	75.325.621	2.631.536.138	(919.120.889)	1.787.740.870
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.465.818.127)	-	-	(4.465.818.127)
Khác	<u>(381.603.990)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(381.603.990)</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.745.130.258</u>	<u>17.772.221.083</u>	<u>(23.519.372.190)</u>	<u>997.979.151</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thuế nộp thừa</i>	4.847.422.117			4.847.422.117
<i>Thuế phải nộp</i>	11.592.552.375			5.845.401.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chi phí lãi vay	13.769.251.541	10.020.428.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.387.511.810	998.677.901
Chi phí bồi thường hàng hóa	486.408.899	486.408.899
Khác	765.117.233	765.117.234
TỔNG CỘNG	<u>16.408.289.483</u>	<u>12.270.632.679</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bảo hiểm xã hội phải trả	7.463.195.261	3.877.867.220
Nhận ký quỹ, ký cược	2.390.525.433	2.639.296.483
Khác	848.535.571	946.366.140
TỔNG CỘNG	<u>10.702.256.265</u>	<u>7.463.529.843</u>

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số cuối kỳ thể hiện khoản trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc theo chính sách trình bày tại *Thuyết minh số 3.10.*



Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Vay bên khác (Thuyết minh số 17.1)	215.276.052.193	23.098.631.104	(9.645.996.045)	228.728.687.252
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	66.595.176.831	80.036.976.918	(91.383.053.639)	55.249.100.110
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng (Thuyết minh số 17.3)	2.029.800.000	-	(1.015.020.000)	1.014.780.000
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan (Thuyết minh số 17.4)	3.037.000.000	-	(2.024.400.000)	1.012.600.000
TỔNG CỘNG	286.938.029.024	103.135.608.022	(104.068.469.684)	286.005.167.362

17.1 Vay bên khác

Công ty thực hiện vay ngắn hạn từ các bên khác nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Nguyên tệ	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Eighty-Eight Diamonds Limited	226.573.361.828	USD	Ngày 22 tháng 3 năm 2025	%/ năm	7.811.425 cổ phiếu phổ thông của các Cổ đông
Bà Trịnh Thị Ngọc Dung	2.155.325.424	-	Ngày 25 tháng 9 năm 2024	15	Tín chấp
TỔNG CỘNG	228.728.687.252	9.278.188			

Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngắn hạn ngân hàng

Công ty thực hiện vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Bản Việt	<u>55.249.100.110</u>	Từ ngày 16 tháng 7 năm 2024 đến ngày 28 tháng 11 năm 2024	Từ 8 đến 11 %/ năm	Nhà cửa và vật kiến trúc với tổng giá trị còn lại là 48.290.438.731 VND

17.3 Vay dài hạn ngân hàng

Công ty thực hiện vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Phương Đông	<u>1.014.780.000</u>	Từ ngày 16 tháng 7 năm 2024 đến ngày 16 tháng 1 năm 2025	Từ 10,9 %/ năm	Phương tiện vận tải với tổng giá trị còn lại là 15.075.878.104 VND

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 1.014.780.000

17.4 Vay dài hạn từ bên liên quan

Công ty thực hiện vay tín chấp dài hạn từ bên liên quan nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2024 VND	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	<u>1.012.600.000</u>	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2024 đến ngày 26 tháng 8 năm 2024	8,3 %/ năm	Tín chấp

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 1.012.600.000

Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư và Phát triển	Lỗi lũy kế	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	152.481.570.000	885.108.720	(110.117.657.235)	43.249.021.485
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	(7.923.653.706)	(7.923.653.706)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>152.481.570.000</u>	<u>885.108.720</u>	<u>(118.041.310.941)</u>	<u>35.325.367.779</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	152.481.570.000	885.108.720	(147.460.713.915)	5.905.964.805
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	(12.600.610.604)	(12.600.610.604)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>152.481.570.000</u>	<u>885.108.720</u>	<u>(160.061.324.519)</u>	<u>(6.694.645.799)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	VND	%	VND	%
Beautegrity Pte. Ltd.	73.431.560.000	48,2%	73.431.560.000	48,2%
Công ty Cổ phần Đầu tư A BA	62.916.650.000	41,2%	62.916.650.000	41,2%
Bà Trần Thị Thu Mai	7.595.390.000	5,0%	7.595.390.000	5,0%
Ông Lương Quang Thi	7.486.270.000	4,9%	7.486.270.000	4,9%
Ông Lương Ngọc Dũng	397.550.000	0,3%	397.550.000	0,3%
Khác	654.150.000	0,4%	654.150.000	0,4%
TỔNG CỘNG	152.481.570.000	100%	152.481.570.000	100%

18.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Số lượng	Số tiền VND	Số lượng	Số tiền VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	15.248.157	152.481.570.000	15.248.157	152.481.570.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	15.185.930	151.859.300.000	15.185.930	151.859.300.000
Cổ phiếu ưu đãi	62.227	622.270.000	62.227	622.270.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Doanh thu dịch vụ vận chuyển và quản lý	122.955.878.883	87.426.221.231
Doanh thu dịch vụ kho lạnh và các dịch vụ liên quan	64.783.669.683	70.321.548.258
TỔNG CỘNG	187.739.548.566	157.747.769.489

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Lãi chênh lệch tỷ giá	62.759.132	619.806.861
Lãi tiền gửi	2.167.658	7.464.948
TỔNG CỘNG	64.926.790	627.271.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Giá vốn dịch vụ vận chuyển và quản lý	93.026.687.896	70.867.813.590
Giá vốn dịch vụ kho lạnh và các dịch vụ liên quan	63.394.863.558	59.708.949.670
TỔNG CỘNG	<u>156.421.551.454</u>	<u>130.576.763.260</u>

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	21.066.221.430	18.868.579.048
Chi phí gia hạn khoản vay	4.884.000.000	-
Khác	6.400.000	374.139
TỔNG CỘNG	<u>25.956.621.430</u>	<u>18.868.953.187</u>

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí bán hàng	3.205.181.093	2.458.260.576
Chi phí nhân viên	2.502.640.608	2.066.043.130
Khác	702.540.485	392.217.446
Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.935.617.565	14.070.579.809
Chi phí nhân viên	10.042.137.093	11.199.658.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.855.426.305	1.937.943.518
Công cụ, dụng cụ	216.840.436	631.961.403
Khác	821.213.731	301.016.467
TỔNG CỘNG	<u>16.140.798.658</u>	<u>16.528.840.385</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Thu nhập khác	263.214.752	212.837.144
Lãi thanh lý tài sản cố định	129.090.909	72.727.273
Thu nhập từ bán phế liệu	105.326.390	63.103.636
Khác	28.797.453	77.006.235
Chi phí khác	(2.149.329.170)	(536.975.316)
Chi phí bồi thường hàng hóa	(2.059.898.543)	(490.900.966)
Các khoản phạt	-	(46.074.350)
Khác	(89.430.627)	-
LỖ KHÁC	<u>(1.886.114.418)</u>	<u>(324.138.172)</u>

24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.233.319.369	58.274.152.277
Chi phí nhân viên	64.440.092.242	60.741.329.985
Khấu hao và hao mòn (<i>Thuyết minh số 9 và 10</i>)	11.891.121.913	10.848.384.267
Chi phí bảo trì và sửa chữa	5.938.615.047	6.781.241.325
Chi phí thuê đất	4.940.525.483	4.753.995.049
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.210.961.097	2.454.947.915
Khác	4.907.714.962	3.251.552.827
TỔNG CỘNG	<u>172.562.350.113</u>	<u>147.105.603.645</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(12.600.610.604)	(7.923.653.706)
Thuế TNDN theo thuế suất có thể áp dụng	(2.520.122.121)	(1.584.730.741)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí lãi vay chưa được trừ	2.878.803.516	2.256.841.179
Chi phí không được trừ	835.261.454	702.140.166
Lỗ tính thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	-	98.469.145
Chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	(560.715.915)	(1.472.719.749)
Sử dụng lỗ năm trước chuyển sang	(633.226.934)	-
Chi phí thuế TNDN	-	-

25.2 Lỗ thuế

Khoản lỗ của Công ty được ghi nhận trong kỳ khác với khoản lỗ kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì lỗ này không bao gồm các khoản thu nhập hoặc chi phí chịu thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và nó cũng không bao gồm các khoản mục không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

25.3 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

					VND
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm</i>	<i>Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh</i>	<i>Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2024</i>	<i>Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2024</i>	
2019	2024	22.135.648.760	-	22.135.648.760	
2020	2025	12.933.745.571	-	12.933.745.571	
2021 (*)	2026	25.187.642.200	-	25.187.642.200	
2022 (*)	2027	26.880.133.396	-	26.880.133.396	
2023 (*)	2028	29.892.667.145	-	29.892.667.145	
2024 (*)	2029	14.394.017.580	-	14.394.017.580	
TỔNG CỘNG		131.423.854.652	-	131.423.854.652	

(*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.4 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí khấu hao	5.081.335.580	5.081.335.580	-	-
Chi phí phải trả	450.040.807	450.040.807	-	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	335.300.758	335.300.758	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	171.866.777	171.866.777	-	-
Chi phí phân bổ của tiền thuê đất trả trước	(8.961.297.246)	(8.961.297.246)	-	-
Thuế TNDN hoãn lại phải trả thuần	(2.922.753.324)	(2.922.753.324)	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ			-	-

25.5 Lỗi chuyển sang các kỳ sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có khoản lỗ lũy kế ước tính với số tiền là 21.937.006.482 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 25.103.141.153 VND) có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Năm phát sinh đến năm</i>	<i>Có thể chuyển lỗ</i>		<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
	<i>đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>		
2020	2025	31.800.120	(31.800.120)	-
2021 (*)	2026	7.920.076.390	(3.134.334.551)	4.785.741.839
2022 (*)	2027	9.598.223.586	-	9.598.223.586
2023 (*)	2028	7.553.041.057	-	7.553.041.057
TỔNG CỘNG		25.103.141.153	(3.166.134.671)	21.937.006.482

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho kỳ kế toán chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ thuế nói trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có tồn tại sự kiểm soát và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Beautegrity Pte. Ltd.	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đầu tư A BA	Cổ đông lớn
Mekong Genesis Ltd.	Công ty mẹ của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	Công ty con
Công ty Cổ Phần Công nghiệp Hưng Trí	Cổ đông khác của Công ty con
Ông Lương Quang Thi	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Cổ đông kiêm Giám đốc Điều hành
Bà Trần Thị Thu Mai	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Cổ đông kiêm Tổng Giám đốc
Ông Lương Ngọc Dũng	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Cổ đông kiêm Giám đốc Thương mại
Ông Nguyễn Đặng Minh Vũ	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Chris Freund	Thành viên Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thanh Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Richard William Mcdade	Thành viên Hội đồng Quản trị

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	Công ty con	Mua dịch vụ	17.301.205.517	18.183.929.085
		Cung cấp dịch vụ	5.250.000.000	5.250.000.000
		Trả nợ vay	2.024.400.000	2.024.400.000
		Lãi vay	97.730.569	344.329.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các cho các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khách hàng</i>				
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	<u>26.515.000.000</u>	<u>20.845.000.000</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	Công ty con	Mua dịch vụ	<u>73.984.643.582</u>	<u>72.825.002.627</u>
<i>Vay</i>				
Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC	Công ty con	Vay	<u>1.012.600.000</u>	<u>3,037,000,000</u>

Công ty Cổ phần Giải pháp Thương mại A BA

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị (" HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ này và kỳ trước được trình bày như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)		VND
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	
Ông Lương Quang Thi	Chủ tịch HĐQT kiêm Cố đồng kiêm Giám đốc Điều hành	2.700.600.000	2.746.046.000	
Bà Trần Thị Thu Mai	Thành viên HĐQT kiêm Cố đồng kiêm Tổng Giám đốc	868.064.000	913.510.000	
Ông Lương Ngọc Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Cố đồng kiêm Giám đốc Thương mại	600.800.000	650.544.003	
Ông Nguyễn Đăng Minh Vũ	Thành viên HĐQT	-	-	
Ông Chris Freund	Thành viên HĐQT	-	-	
Bà Nguyễn Thanh Hà	Thành viên HĐQT	-	-	
Ông Richard William McDade	Thành viên HĐQT	-	-	
Ông Chad Ryan Ovel	Thành viên HĐQT	-	-	
Bà Đoàn Quang Vinh Thúy	Thành viên HĐQT trước đây	234.426.667	-	
Ông Phan Trúc Quyền	Trưởng Ban Kiểm soát	-	142.162.769	
Ông Vũ Minh Đạt	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Quản lý Đào tạo và Phát triển	229.929.656	220.325.077	
Ông Nguyễn Quốc Yên	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Quản lý Cấp cao Vận hành Xuất sắc Miền Nam	581.000.000	586.462.923	
Bà Lê Bảo Ngân	Thành viên Ban Kiểm soát trước đây kiêm Trợ lý Giám đốc Điều hành	-	183.358.000	
Bà Trương Thị Thu Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát trước đây kiêm Quản lý Đào tạo Nội bộ	-	152.407.120	
TỔNG CỘNG		5.214.820.323	5.594.815.892	

(*) Thu nhập bao gồm tiền lương, tiền thưởng và thù lao trả cho các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không hưởng thù lao thành viên cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT

27.1 Cam kết thuê hoạt động

Công ty đang thuê các kho và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Đến 1 năm	9.088.412.285	10.212.159.155
Từ 2 đến 5 năm	26.754.812.238	26.699.986.803
Trên 5 năm	139.402.805.841	142.765.432.516
TỔNG CỘNG	175.246.030.364	179.677.578.474

27.2 Bảo lãnh vay vốn

Công ty ký hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 0062/2017/BĐ cho công ty con, Công ty Cổ phần Kho vận Chuyên nghiệp ETC vào ngày 25 tháng 9 năm 2017 với Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, số dư khoản vay của công ty con liên quan đến hợp đồng bảo lãnh vay vốn này là 2.820.965.605 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6.063.022.405 VND).



28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Nguyễn Nam Hải
Người lập / Kế toán trưởng



Lương Quang Thi
Giám đốc Điều hành

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2024